



## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

★ (Ban hành theo Quyết định số 162../QĐ-ĐHNB ngày 14 tháng 03 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình)

Tên chương trình : **Điều dưỡng**  
Trình độ đào tạo : Đại học  
Ngành đào tạo : **Điều dưỡng**  
Tên tiếng Anh :  
Mã số : 7720301  
Loại hình đào tạo : Chính quy  
Danh hiệu tốt nghiệp : Cử nhân Điều dưỡng

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân điều dưỡng có năng lực thực hành nghề nghiệp theo pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và năng lực nghề nghiệp điều dưỡng ở trình độ đại học, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe và năng lực tư duy, làm việc độc lập và phối hợp, tự học và nghiên cứu khoa học, quản lý và phát triển nghề nghiệp đáp ứng như cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Kiến thức:

Người điều dưỡng có kiến thức vững vàng về khoa học xã hội – khoa học tự nhiên – khoa học chuyên ngành về khối ngành chăm sóc sức khỏe và ngành điều dưỡng, hiểu rõ những nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc lấy người bệnh làm trung tâm, có kiến thức vững vàng về sự tác động qua lại giữa môi trường và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ nâng cao sức khỏe.

##### 1.2.2. Kỹ năng

Người điều dưỡng có đủ kỹ năng thực hành nghề nghiệp cần thiết:

- Hành nghề theo pháp luật nhà nước, quy định của ngành y tế và đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng.

- Tổ chức và thực hiện sơ cứu, cấp cứu những tình huống khẩn cấp, nguy kịch đơn lẻ và hàng loạt.

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng, lập kế hoạch thực hiện và tổ chức thực hiện quy trình điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh.

- Thực hành chăm sóc toàn diện, phù hợp với văn hóa người bệnh đảm bảo sự an toàn, đảm bảo chất lượng, ổn định và liên tục.

- Cung cấp môi trường chăm sóc an toàn và quản lý nguy cơ. Có đủ năng lực hợp tác trong chăm sóc, giao tiếp tốt với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng. Phối hợp tổ chức thực hiện tốt y lệnh của thầy thuốc, đề xuất các biện pháp xử lý hợp lý, phối hợp với thầy thuốc để chăm sóc và nâng cao sức khỏe người bệnh.

- Quản lý, ghi hồ số bệnh án đúng quy định, sử dụng và quản lý thuốc, trang thiết bị y tế hợp lý, an toàn và hiệu quả.

- Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng.

- Tham gia phòng bệnh và phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương, đề xuất các biện pháp phối hợp để phòng chống dịch.

- Áp dụng Y học cổ truyền vào công tác chăm sóc và phòng bệnh.

- Thực hiện nghiên cứu điều dưỡng và sử dụng các bằng chứng khoa học, ứng dụng tin học và ngoại ngữ, sử dụng các kỹ năng giao tiếp, phối hợp, lãnh đạo và quản lý chuyên nghiệp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc và an toàn người bệnh.

- Tham gia công tác quản lý ngành, thực hiện nghiên cứu điều dưỡng, tổ chức và đào tạo nguồn nhân lực điều dưỡng và nhân viên y tế.

*Về trình độ Ngoại ngữ: Áp dụng chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào Tạo (Tương đương cấp độ B1 của CEFRL - Khung tham chiếu ngôn ngữ chung của Hội đồng châu Âu).*

## **2. Chuẩn đầu ra:**

### **\* Chuẩn kiến thức:**

Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Max-Lê Nin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước trong công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân nói chung, liên quan đến ngành Điều dưỡng nói riêng.

- Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội làm nền tảng để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

- Hiểu biết và vận dụng kiến thức về tâm lý y học trong thực hành điều dưỡng,

- Có kiến thức tổng quát về cấu tạo và chức năng của cơ thể con người ở trạng thái bình thường và bệnh lý. Áp dụng các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, y tế cộng đồng và kiến thức chuyên ngành điều dưỡng trong việc cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Phân tích và vận dụng được các nguyên lý chăm sóc điều dưỡng, các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, và các kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa tại bệnh viện và cộng đồng trong việc chuẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc và phòng bệnh cho các nhân, gia đình và cộng đồng.

- Hiểu biết rõ 25 tiêu chuẩn năng lực của cử nhân điều dưỡng Việt Nam (Hội nhập với 18 tiêu chuẩn năng lực của cử nhân điều dưỡng Đông Nam Á và Tây Thái Bình Dương) trong công tác chăm sóc người bệnh, công tác quản lý điều dưỡng và hành nghề điều dưỡng,).

- Có kiến thức về các quy định về pháp luật trong công tác khám chữa bệnh như: Luật khám chữa bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn, chăm sóc người bệnh, giao tiếp ứng xử....

- Hiểu biết về phương pháp nghiên cứu khoa học trong công tác Điều dưỡng.

**\* Chuẩn kỹ năng:**

**Kỹ năng cứng**

- Năng lực thực hành (theo chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam do Bộ Y tế ban hành tháng 4/2012) gồm 3 lĩnh vực, 25 chuẩn năng lực và 110 tiêu chí

Lĩnh vực	Chuẩn năng lực	Tiêu chí
<b>A. Chăm sóc</b>		
	<b>1. Hiểu biết về tình trạng sức khỏe người bệnh</b>	1. Xác định tình trạng sức khỏe 2. Giải thích tình trạng sức khỏe
	<b>2. Ra quyết định chăm sóc</b>	1. Phân tích vấn đề sức khỏe 2. Ra quyết định chăm sóc 3. Thực hiện chăm sóc 4. Theo dõi khi chăm sóc
	<b>3. Xác định sức khỏe ưu tiên</b>	1. Xác định sức khỏe ưu tiên 2. Can thiệp
	<b>4. Sử dụng Quy trình điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc</b>	1. Đánh giá người bệnh 2. Tổng hợp thông tin 3. Phân tích vấn đề sức khỏe 4. Lập kế hoạch chăm sóc 5. Giải thích, hướng dẫn NB 6. Thực hiện kế hoạch chăm sóc 7. Lượng giá chăm sóc 8. Hỗ trợ người bệnh xuất viện 9. Giáo dục sức khỏe
	<b>5. Tạo an toàn cho người bệnh</b>	1. Biện pháp tạo an toàn 2. Đảm bảo thoải mái cho NB 3. Đảm bảo sự kín đáo cho NB
	<b>6. Tiên hành kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình</b>	1. Đủ các bước 2. Thành thạo 3. Đảm bảo kiểm soát nhiễm khuẩn
	<b>7. Dùng thuốc cho người bệnh an toàn</b>	1. Hỏi tiền sử dị ứng thuốc 2. Nắm kỹ quy tắc dùng thuốc

		<ul style="list-style-type: none"> <li>3. Hướng dẫn sử dụng thuốc</li> <li>4. Xử trí phản ứng thuốc</li> <li>5. Biết tương tác thuốc</li> <li>6. Nhận biết hiệu quả của thuốc</li> <li>7. Ghi chép đúng, đầy đủ</li> </ul>
	<b>8. Chăm sóc liên tục</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Bàn giao chăm sóc, theo dõi</li> <li>2. Phối hợp trong chăm sóc</li> <li>3. Có biện pháp thích hợp</li> </ul>
	<b>9. Sơ cấp cứu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Phát hiện vấn đề cấp cứu</li> <li>2. Ra quyết định xử trí kịp thời</li> <li>3. Phối hợp trong xử trí</li> <li>4. Xử trí đúng, nhanh chóng</li> </ul>
	<b>10. Lập mối quan hệ với người bệnh</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Tạo niềm tin cho người bệnh</li> <li>2. Giao tiếp với người bệnh</li> <li>3. Lắng nghe người bệnh</li> </ul>
	<b>11. Giao tiếp với người bệnh</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Biết tâm lý người bệnh</li> <li>2. Giao tiếp có hiệu quả</li> <li>3. Dùng lời nói để giao tiếp hiệu quả</li> <li>4. Hiểu văn hóa người bệnh để giao tiếp</li> </ul>
	<b>12. Sử dụng kênh truyền thông để giao tiếp</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Sử dụng phương tiện nghe nhìn</li> <li>2. Sử dụng phương tiện giao tiếp</li> </ul>
	<b>13. Cung cấp thông tin cho người bệnh</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Xác định thông tin cần thiết</li> <li>2. Chuẩn bị tâm lý NB khi giao tiếp truyền đạt thông tin</li> </ul>
<b>B. Năng lực quản lý và phát triển nghề nghiệp</b>		
	<b>14. Tổ chức giáo dục sức khỏe</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Thu thập thông tin</li> <li>2. Xác định nhu cầu giáo dục sức khỏe</li> <li>3. Lập kế hoạch giáo dục sức khỏe</li> <li>4. Chuẩn bị tài liệu giáo dục sức khỏe</li> <li>5. Thực hiện giáo dục sức khỏe</li> </ul>
	<b>15. Tạo môi trường làm việc an toàn</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Hiểu biết sức khỏe nghề nghiệp</li> <li>2. Biết quy tắc làm việc an toàn</li> <li>3. Biết chính sách làm việc an toàn</li> <li>4. Quản lý môi trường chăm sóc</li> <li>5. Quản lý chất thải y tế</li> </ul>

		6. Phòng chống cháy, nổ
	<b>16. Cải thiện chất lượng chăm sóc</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đảm bảo chất lượng chăm sóc</li> <li>2. Khắc phục nguy cơ mất an toàn trong chăm sóc</li> <li>3. Nhận phản hồi từ người bệnh</li> <li>4. Áp dụng phương pháp cải tiến</li> <li>5. Tham gia hoạt động cải tiến</li> <li>6. Chia sẻ thông tin về người bệnh</li> <li>7. Bình phiếu chăm sóc</li> <li>8. Đề xuất về phương pháp chăm sóc</li> <li>9. Thực hành dựa vào bằng chứng</li> </ol>
	<b>17. Nghiên cứu khoa học</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xác định vấn đề nghiên cứu</li> <li>2. Áp dụng các phương pháp NCKH</li> <li>3. Sử dụng phần mềm thống kê Y học</li> <li>4. Đề xuất sau nghiên cứu</li> <li>5. Chia sẻ kết quả sau nghiên cứu</li> <li>6. Ứng dụng kết quả nghiên cứu</li> </ol>
	<b>18. Phát triển năng lực bản thân</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyên vọng nâng cao trình độ</li> <li>2. Học tập liên tục</li> <li>3. Tham gia các hoạt động nghề nghiệp</li> <li>4. Quảng bá hình ảnh người điều dưỡng</li> <li>5. Tích cực và thích nghi với đổi mới</li> <li>6. Chăm sóc theo tiêu chuẩn thực hành</li> <li>7. Đóng góp cho đồng nghiệp</li> </ol>

= C U I A =

		8. Đóng góp cho ngành nghề
<b>C. HÀNH NGHỀ</b>		
	<b>19. Hành nghề theo quy định của pháp luật và của Bộ Y tế</b>	1. Hành nghề theo pháp luật 2. Tuân thủ nội dung cơ quan 3. Thực hiện quy tắc ứng xử 4. Ghi chép về dữ liệu người bệnh
	<b>20. Hành nghề theo Y đức</b>	1. Chịu trách nhiệm khi hành nghề 2. Tuân thủ chuẩn y đức 3. Báo cáo trung thực khi vi phạm

### **Kỹ năng mềm**

**Giao tiếp ứng xử :** Thực hiện đúng quy định ứng xử trong các cơ sở khám chữa bệnh

- Khi thực tập tại các cơ sở y tế :
  - + Thực hiện nghiêm túc các quy định
  - + Chấp hành quy định của nhà nước và nội quy của cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe
- + Có đạo đức và lối sống lành mạnh
  - + Có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử tốt
- nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm trong công việc
  - Khi ứng xử giao tiếp :
    - + Lịch sự, hòa nhã và ứng xử văn minh
    - + Giữ gìn bí mật thông tin của người bệnh

### **Về ngoại ngữ**

- Giao tiếp được trong các tình huống cơ bản của đời sống
- Giao tiếp được trong các tình huống thuộc chuyên ngành
- Đọc và tham khảo được tài liệu thuộc chuyên ngành

### **Về tin học**

- Thực hiện các thao tác quản lý đối với tất cả các thư mục, tập tin trên máy tính
- Sử dụng được các dịch vụ internet như email, tìm kiếm thông tin
- Thực hiện được các thao tác và định dạng bảng tính; sử dụng công thức và hàm số cơ bản vào các bài toán ứng dụng Microsoft Excel
- Thiết kế được các trình diễn bằng phần mềm Microsoft **PowerPoint**

**Kỹ năng làm việc nhóm :** Phối hợp với các thành viên trong nhóm có hiệu quả. Kỹ năng tổ chức học tập

### **Năng lực tổ chức quản lý**

- Quản lý chuyên môn : công tác tiếp đón người bệnh, lập kế hoạch chăm sóc điều dưỡng, phân cấp mô hình chăm sóc
- Quản lý nhân lực : Quản lý nhân viên, học sinh và sinh viên thực tập

- Quản lý vật tư- trang thiết bị : cách lập dự trữ, cấp phát. Sử dụng, bảo quản vật tư- trang thiết bị y tế, kiểm tra đánh giá

- Quản lý hành chính : các loại thủ tục hồ sơ, ghi chép, bảo quản giấy tờ hồ sơ

**Năng lực phát hiện sớm dịch bệnh :** tại địa phương và tích cực tham gia chống dịch

**\* Chuẩn thái độ:**

**a) Thực hiện đầy đủ 12 điều Y đức:**

- Có lương tâm và trách nhiệm với nghề, yêu nghề và không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn

- Tôn trọng pháp luật và thực hiện đúng chuyên môn

- Tôn trọng quyền lợi của người dân đến khám chữa bệnh, không phân biệt đối xử, lịch sự, nhã nhặn trung thực

- Giao tiếp ứng xử lịch sự giải thích nhẹ nhàng đối với người nhà người bệnh

- Cấp cứu khẩn trương, không đùn đẩy người bệnh

- Kê đơn thuốc an toàn, phù hợp với chuẩn đoán, không tư lợi

- Không rời bỏ vị trí khi đang làm việc

- Giáo dục sức khỏe trước khi người bệnh xuất viện

- Có thái độ đồng cảm, chia sẻ, an ủi người nhà người bệnh khi người bệnh tử vong

- Quan hệ tốt với đồng nghiệp

- Biết kiểm điểm và tự kiểm điểm bản thân khi mắc lỗi, không đùn đẩy trách nhiệm

- Tham gia các hoạt động tuyên truyền, giáo dục sức khỏe

**b) Tuân thủ đúng 8 chuẩn đạo đức nghề nghiệp Điều dưỡng viên**

- Đảm bảo an toàn cho người bệnh

- Tôn trọng người bệnh và người nhà người bệnh

- Thân thiện với người bệnh và người nhà người bệnh

- Trung thực khi hành nghề

- Duy trì và nâng cao năng lực nghề nghiệp

- Tự tôn nghề nghiệp

- Thật thà đoàn kết với đồng nghiệp

- Cam kết với cộng đồng xã hội

**\* Chuẩn vị trí việc làm**

Người có bằng Cử nhân điều dưỡng có năng lực làm việc tại:

- Điều dưỡng viên, điều dưỡng trưởng tại các cơ sở y tế trong và ngoài nước

- Giảng viên tại các cơ sở đào tạo điều dưỡng

- Các Trung tâm, Viện nghiên cứu về điều dưỡng.

**3. Thời gian và khối lượng kiến thức toàn khóa**

**3.1. Thời gian đào tạo: 4 năm**

**3.2. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ** ( chưa bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và Kiến thức bổ trợ).

	Khối lượng kiến thức	Số tín chỉ
1	<b>Giáo dục đại cương</b>	<b>33</b>
2	<b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>84</b>
	Các môn trong khối ngành	08
	Kiến thức cơ sở ngành	32
	Kiến thức ngành, chuyên ngành	40
	Học phần tự chọn	4
	Thực tập & Tốt nghiệp	<b>10</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>127</b>

#### 4. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện tuyển sinh theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo các quy định của Trường.

#### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều kiện tốt nghiệp: Kết thúc khóa học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp:

Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo

Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0/4,0 trở lên

Điểm rèn luyện đạt từ loại khá trở lên

*Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng*

*Có chứng chỉ giáo dục thể chất*

*Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập*

#### 6. Thang điểm

*Theo học chế tín chỉ*

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với hệ số tương ứng đã được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần. Điểm học phần làm tròn đến một số thập phân.

Chuyển điểm thành điểm chữ và thang điểm 4 như sau :

STT	Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Đạt	8,5 - 10	A	4,0
2	Đạt	7,0 - 8,4	B	3,0
3	Đạt	5,5 - 6,9	C	2,0
4	Đạt có điều kiện	4,0 - 5,4	D	1,0
5	Không đạt	Dưới 4,0	E	0,0



## 7. Nội dung chương trình

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Loại tiết					Môn học tiên quyết (STT của môn học)
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
<b>7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>33</b>						
1	11101	Những nguyên lý CBCN Mác Lênin 1	5	30	25	20			
2	11103	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	15	5	10			
3	11104	Đường lối CM ĐCSVN	3	15	20	10			
4	11401	Tiếng Anh 1	3	15	20	10			
5	11402	Tiếng Anh 2	3	15	20	10			
6	11403	Tiếng Anh 3	3	15	20	10			
7	11701	Tin học đại cương	4	15	20	10			
8	11405	Tiếng Anh chuyên ngành	8	70	40	10			
9	11404	Pháp luật đại cương	2	15	10	5			
<b>7.2. Khối kiến thức ngành</b>			<b>84</b>						
<b>7.2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành – 8TC</b>									
10	17501	Xác suất – thống kê y học	2	15	10	5			
11	17502	Sinh học và di truyền	2	15	10	5			
12	17503	Nghiên cứu khoa học	2	15	10	5			
13	17504	Tâm lý học – Đạo đức y học	2	15	10	5			
<b>7.2.2. Kiến thức cơ sở ngành</b>									
14	17505	Giải phẫu	4	40			20		
15	17506	Mô phôi	2	15			15		
16	17507	Sinh lý học	3	30			15		
17	17508	Hóa sinh	2	15			15		
18	17509	Vi sinh vật	2	15			15		
19	17510	Ký sinh trùng	2	15			15		
20	17511	Sinh lý bệnh – miễn dịch	3	30			15		
21	17512	Dược lý	2	15		10	5		
22	17513	Dinh dưỡng – Tiết chế	2	15			15		
23	17514	Pháp luật – tổ chức y tế	2	20		10	5		

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Loại tiết					Môn học tiên quyết (STT của môn học)
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
24	17515	Hóa học	2	20			10		
25	17516	Lý sinh	2	20			10		
26	17517	Sinh vật	2	20			10		
27	17518	Y học cổ truyền	2	15			15		
<b>7.2.3. Kiến thức chuyên ngành – 40TC</b>									
28	17519	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	2	20			10		
29	17520	Điều dưỡng cơ sở I	3	20		10	15		
30	17521	Điều dưỡng cơ sở II	3	20		10	15		
31	17522	Quản lý điều dưỡng	2	10		5	15		
32	17523	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	2	15		5	10		
33	17524	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa I	3	20		10	15		
34	17525	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa II	2	15		10	20		
35	17526	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa I	3	20		10	15		
36	17527	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa II	2	15		5	10		
37	17528	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	2	15		5	10		
38	17529	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2	15		5	10		
39	17530	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình	3	20		5	20		
40	17531	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3	20		5	20		
41	17532	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	2	15		5	10		

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Loại tiết					Môn học tiên quyết (STT của môn học)
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
42	17533	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	15		5	10		
43	17534	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	2	15		5	10		
44	17535	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	15		5	10		
<b>Các học phần tự chọn 4/16 TC</b>									
45	17536	Sử dụng phần mềm trong thống kê y học	2	15			15		
46	17537	Dịch tễ học	2	20		10			
47	17538	Nâng cao sức khỏe và hành vi con người	2	20		10			
48	17539	Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng	2	20		10			
49	17540	Điều dưỡng thảm họa	2	20		10			
50	17541	Các chương trình y tế quốc gia	2	20		10			
51	17542	Sức khỏe môi trường	2	20		10			
52	17543	Chăm sóc sức khỏe người nhiễm HIV/AIDS	2	15		5	10		
<b>7.3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp: 10 TC</b>									
53	17544	Thực tập tốt nghiệp	4						
54	17545	Khóa luận hoặc thi chuyên đề	6						
55	17546	+Thực hành chăm sóc người bệnh Nội khoa nâng cao	3						
56	17547	+Thực hành chăm sóc người bệnh Ngoại khoa nâng cao	3						
<b>9.3. Môn học không tích lũy - 16TC</b>									
57	11801	Giáo dục thể chất	4						
58	11901	Giáo dục QPAN	8						
59	11302 11303	Kỹ năng mềm 1,2	4						

## 8. Kế hoạch đào tạo dự kiến

STT	Mã môn học	Tên môn học	Kế hoạch dạy/ học kỳ								
<b>7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>33</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>
1	11101	Những nguyên lý CBCN Mác Lênin 1 +2	5	5							
2	11103	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			3					
3	11104	Đường lối CM ĐCSVN	3				3				
4	11401	Tiếng Anh 1	3	3							
5	11402	Tiếng Anh 2	3		3						
6	11403	Tiếng Anh 3	3			3					
7	11701	Tin học đại cương	4	4							
8	11405	Tiếng Anh chuyên ngành	8						8		
9	11406	Pháp luật đại cương	2	2							
<b>7.2. Khối kiến thức ngành:</b>			<b>84</b>								
<b>Các môn cơ sở ngành ( khối ngành):</b>			<b>8 TC</b>								
10	17501	Xác suất – thống kê y học	2		2						
11	17502	Sinh học và di truyền	2	2							
12	17503	Nghiên cứu khoa học	2					2			
13	17504	Tâm lý học – Đạo đức y học	2			3					
<b>Khối lượng kiến thức các môn cơ sở ngành: 32 TC</b>											
14	17505	Giải phẫu	4		2						
15	17506	Mô phôi	2			3					
16	17507	Sinh lý học	3		2						
17	17508	Hóa sinh	2			3					
18	17509	Vi sinh vật	2			3					
19	17510	Ký sinh trùng	2			3					
20	17511	Sinh lý bệnh – miễn dịch	3				2				
21	17512	Dược lý	2				2				
22	17513	Dinh dưỡng – Tiết chế	2				2				
23	17514	Pháp luật – tổ chức y tế	2								
24	17515	Hóa học	2		2						
25	17516	Lý sinh	2			2					

26	17517	Sinh vật	2		2			2		
27	17518	Y học cổ truyền								
<b>Khối lượng kiến thức các môn chuyên ngành: 40 TC</b>										
28	17519	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	2				2			
29	17520	Điều dưỡng cơ sở I	3				2			
30	17521	Điều dưỡng cơ sở II	3				2			
31	17522	Quản lý điều dưỡng	2				2			
32	17520	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	2				2			
33	17521	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa I	3				3			
34	17522	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa II	2				3			
35	17523	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa I	3					3		
36	17524	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa II	2					2		
37	17525	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	2						2	
38	17526	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2					2		
39	17527	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình	3						3	
40	17528	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3						3	
41	17529	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	2					2		
42	17530	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2						2	
43	17531	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	2						2	
44	17532	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2						2	
<b>Các học phần tự chọn (chọn 4/16 tín chỉ) học vào học kỳ 5</b>										
45	17533	Sử dụng phần mềm trong thống kê y học	2					2		
46	17534	Dịch tễ học	2					2		
47	17535	Nâng cao sức khỏe và hành vi con người	2					2		

48	17536	Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng	2						2		
49	17537	Điều dưỡng thảm họa	2						2		
50	17538	Các chương trình y tế quốc gia	2						2		
51	17539	Sức khỏe môi trường	2						2		
52	17540	Chăm sóc sức khỏe người nhiễm HIV/AIDS	2						2		
<b>Thực tập và tốt nghiệp: 10</b>											
53	17541	Thực tập tốt nghiệp	5								5
		Khóa luận tốt nghiệp/học bổ sung	5								5
54	17542	- Khóa luận tốt nghiệp	5								
		- Học phần bổ sung	5								
55	17543	+Thực hành chăm sóc người bệnh Nội khoa nâng cao	5								5
56	17544	+Thực hành chăm sóc người bệnh Ngoại khoa nâng cao	5								5
<b>Các học phần không tính tín chỉ: 16</b>											
57	11801	Giáo dục thể chất	4		4						
58	11901	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8	8							
59	11302	Kỹ năng mềm	4		4						



HIỆU TRƯỞNG  
NGND.PGS.TS. Tô Ngọc Hưng